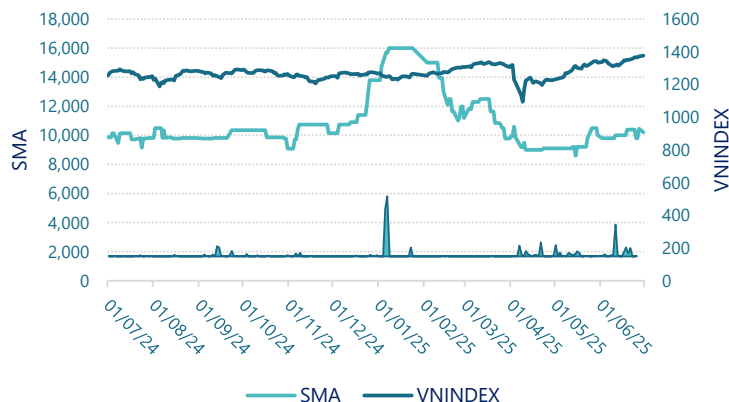




CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn (HSX: SMA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
P/E	10.3
EPS	991

DT thuần

Q2/25

16.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.7 | 347%

YoY: ▲ 5.40 | 49.0%

LN sau thuế

Q2/25

3.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.7 | 149%

YoY: ▲ 6.29 | 229%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

43.9%

+/- YoY: ▲ 26.1%

DT thuần

6T 2025

20.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.70 | 30.7%

LN sau thuế

6T 2025

-3.63

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.27 | 66.8%

ROE

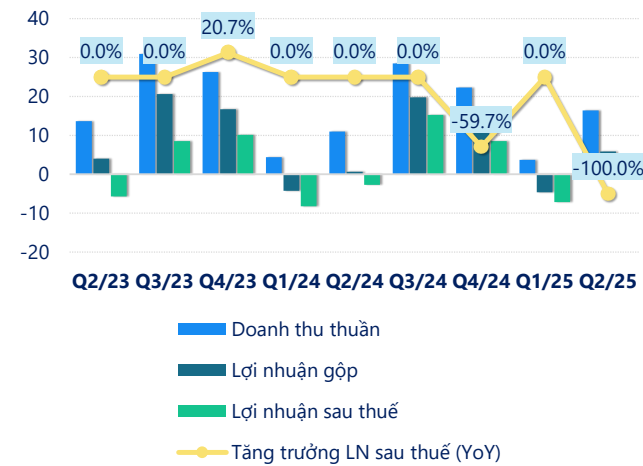
Q2/25

8.8%

+/- YoY: ▲ 5.3%

tỷ VNĐ

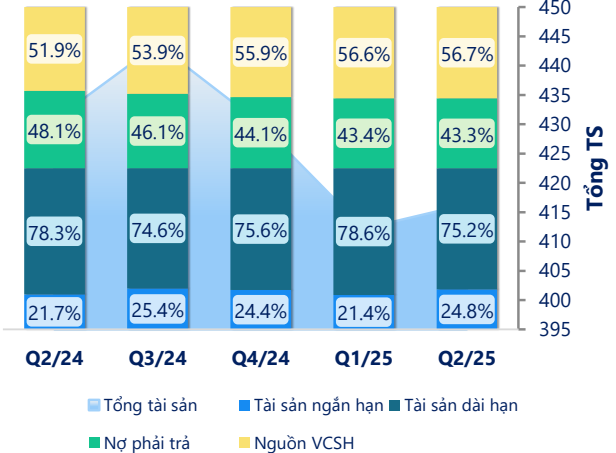
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

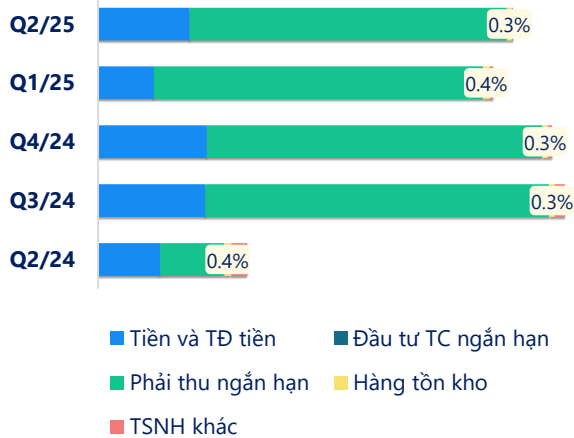
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



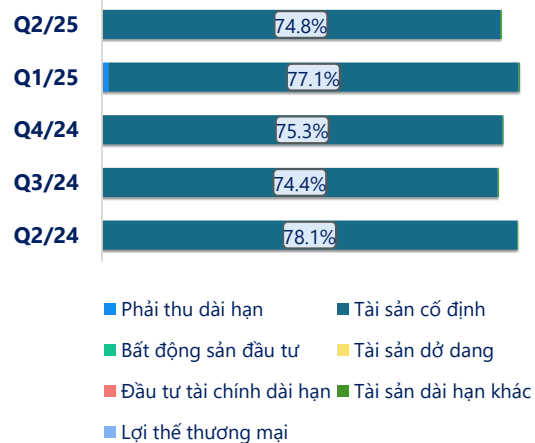
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

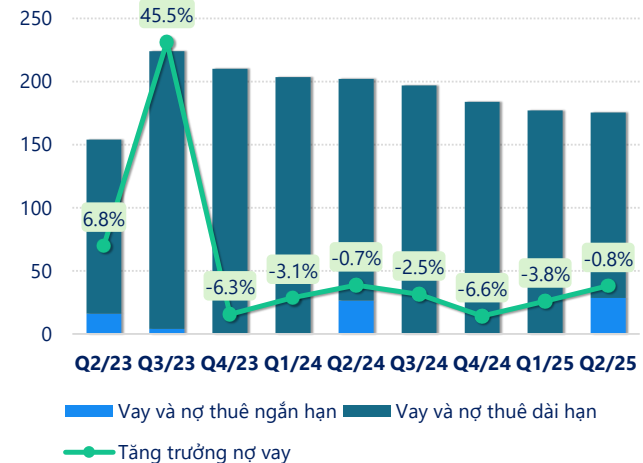
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

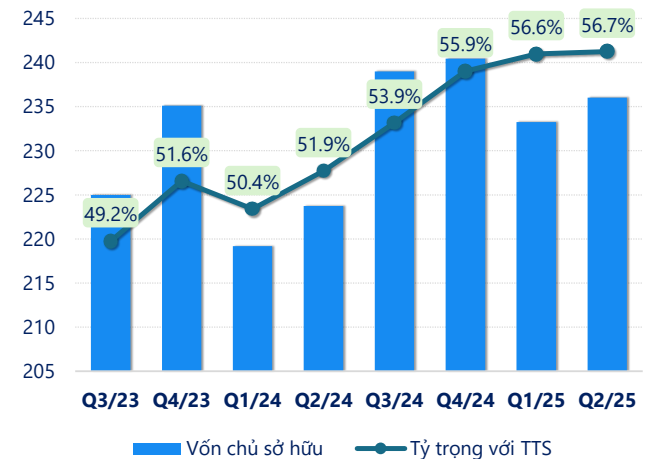
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

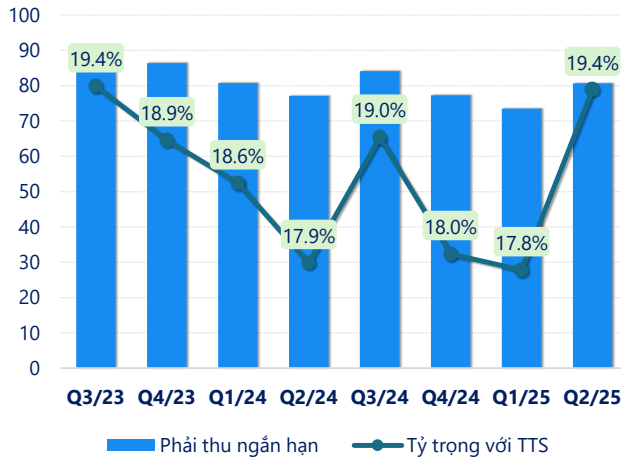
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



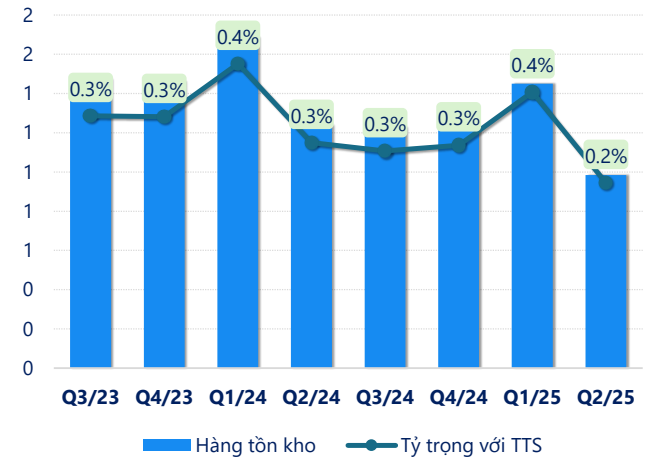
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


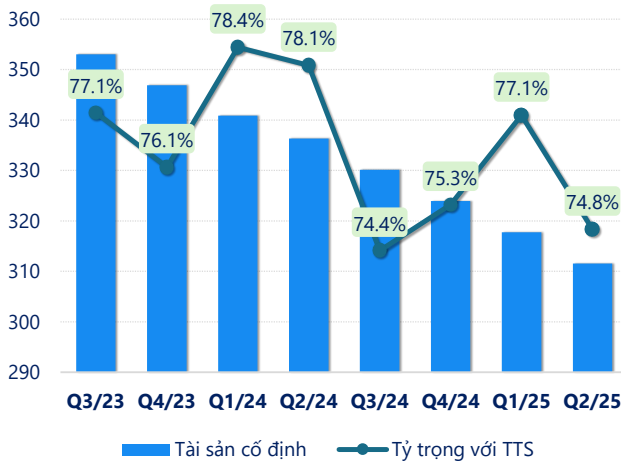
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


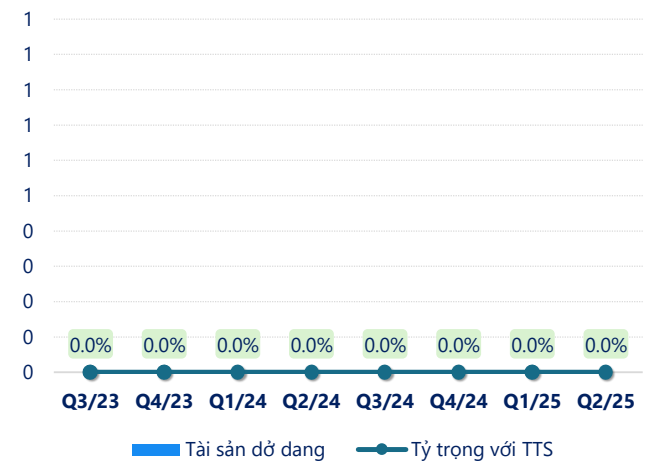
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

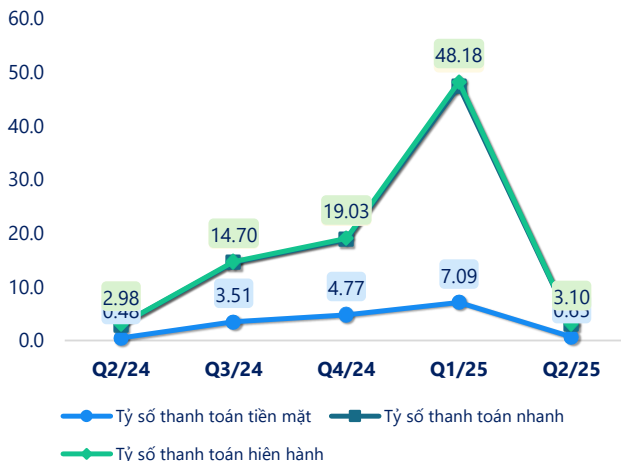
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

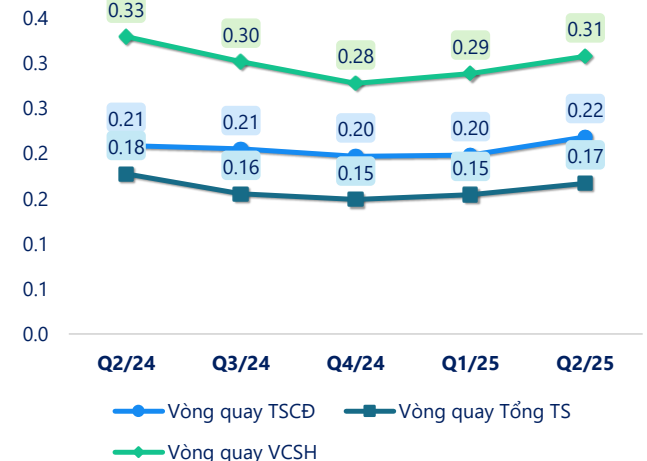
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	431	444	430	412	416
Tài sản ngắn hạn	93.7	113	105	88.1	103
Tiền và tương đương tiền	15.1	26.9	26.4	13.0	21.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	77.1	84.1	77.3	73.5	80.6
Hàng tồn kho	1.24	1.23	1.22	1.45	0.98
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.37	0.28	0.22	0.04
Tài sản dài hạn	337	331	325	324	313
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	5.01	0.01
Tài sản cố định	336	330	324	318	312
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.72	0.92	0.98	1.28	1.62
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	207	205	190	179	180
Nợ ngắn hạn	31.4	7.66	5.52	1.83	33.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.5	0	0	0	28.5
Phải trả người bán ngắn hạn	0.92	0.87	0.09	0.06	0.94
Nợ dài hạn	176	197	184	177	147
Vay và nợ thuê dài hạn	176	197	184	177	147
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	239	240	233	236
Vốn chủ sở hữu	224	239	240	233	236
Vốn điều lệ	204	204	204	204	204
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)